TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/KDTM- PT
Ngày 18 tháng 9 năm 2019
V/v "tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Châu
Ông Trần Minh Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2019/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐ-PT ngày 25/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐ-PT ngày 05/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Hải N;

Địa chỉ: đường X, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Trần Thanh H, chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật (Có mặt);

- Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978 (Vắng mặt); địa chỉ: đường X, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; là đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2017);

- Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1982 (Có mặt); địa chỉ: đường X, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; là đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Biên P - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư G– Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T;

Địa chỉ: đường X, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Ông Trần Xuân P, chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1985 (Có mặt) và Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (Có mặt); Cùng địa chỉ: đường X, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; là đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2017).

3. Người giám định: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng K;

Địa chỉ: đường X, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Lục Q, chức vụ: Phó giám đốc (Có mặt); là đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2017 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng thương mại Hải N (gọi tắt là Công ty Hải N), người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Công ty Hải N và Công ty trách nhiệm hữu hạn T (gọi tắt là Công ty T) có ký Hợp đồng thi công số 01/2016/HĐ-XD ngày 22-01-2016 và Biên bản thương thảo hợp đồng số 01/2016/TTHĐ ngày 22-01-2016 về việc thi công xưởng bánh. Nội dung hợp đồng: Công ty T đồng ý giao cho Công ty Hải N thực hiện thi công xưởng bánh tại địa chỉ: Đường số 7, khu công nghiệp Đông Xuyên, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 4.500.000.000đ (bốn tỷ năm trăm triệu đồng), giá trị thanh toán hợp đồng căn cứ vào bảng kế hoạch bố trí vốn và tình hình thi công thực tế; tạm ứng hợp đồng 500.000.000 đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng 140 ngày kể từ ngày phát lệnh khởi công bao gồm các ngày nghỉ lễ và chủ nhật.

Thực hiện hợp đồng trong quá trình thi công ngoài công trình nhà xưởng, Công ty Hải N còn thi công phát sinh thêm một số hạng mục mới; tổng giá trị công trình là 5.360.476.187 đồng (trong đó công trình nhà xưởng là 4.500.000.000 đồng và công trình phát sinh là 860.476.187 đồng). Phía Công ty T đã thanh toán cho Công ty Hải N được tổng cộng là 4.300.000.000 đồng (Trong đó: Ngày 22-07-2016 là 3.800.000.000 đồng, ngày 06-09-2016 là 500.000.000 đồng). Hiện nay Công ty T còn phải thanh toán cho Công ty Hải N là 1.060.473.187 đồng. Mặc dù đã nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ, nhưng Công ty T không đồng ý thanh toán và đưa ra lý do khoản tiền không đúng với thực tế thi công.

Do đó, Công ty Hải N yêu cầu Công ty T thanh toán tổng số tiền là 1.060.473.187 đồng; không yêu cầu trả lãi từ thời điểm nợ đến thời điểm xét xử, yêu cầu trả 1 lần sau khi bản án có hiệu lực.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn Công ty TNHH T và người đại diện hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Công ty T thống nhất: Giữa Công ty T và Công ty Hải N có ký kết Hợp đồng thi công số 01/2016/HĐ-XD ngày 22-01-2016 và Biên bản thương thảo hợp đồng số 01/2016/TTHĐ ngày 22-01-2016 về việc Công ty Hải N có trách nhiệm thi công xưởng bánh tại Đường số 7, khu công nghiệp Đông Xuyên, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hợp đồng có giá trị 4.500.000.000 đồng. Quá trình

thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thanh toán cho Công ty Hải N 4.334.929.515 đồng.

Do Công ty Hải N thi công công trình không đảm bảo chất lượng nên Công ty T đã yêu cầu Công ty Hải N khắc phục nhưng không thực hiện nên Công ty T đã phải thuê đơn vị khác để khắc phục sự cố công trình, vì thế mà Công ty T không đồng ý thanh toán số tiền mà Công ty Hải N yêu cầu.

Công ty T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Hải N với các lý do:

Giữa Công ty T với Công ty Hải N vẫn chưa thống nhất được về giá trị quyết toán công trình xưởng bánh và giá trị các hạng mục phát sinh mà Công ty Hải N đã thực hiện là bao nhiêu nên không có căn cứ để xác định số tiền mà Công ty T phải trả cho Công ty Hải N.

Các hóa đơn, chứng từ liên quan đến vật liệu xây dựng để thi công xưởng bánh chưa được Công ty Hải N cung cấp cho Công ty T để làm căn cứ quyết toán công trình, Biên bản nghiệm thu công trình xưởng bánh, bản vẽ hoàn công chưa được Công ty Hải N cung cấp cho Công ty T làm cơ sở để Công ty T thực hiện xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình theo quy định.

Công ty Hải N chưa khắc phục những sự cố công trình do Công ty T yêu cầu, do đó Công ty T đã nhờ đơn vị khác để khắc phục sự cố và hoàn thiện công trình gây rất nhiều khó khăn và mất thời gian cho Công ty T.

Công ty Hải N chưa cung cấp các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Công ty T là sai quy định, ảnh hưởng đến việc lưu trữ hồ sơ công trình, cũng như việc báo cáo, thông báo đến các cơ quan chức năng về công trình của Công ty T.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 19/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã:

Căn cứ Điều 274, 280 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 50, 306 Luật Thương mại; Điều 113 Luật Xây dựng năm 2015 và Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng thương mại Hải N đối với Công ty TNHH T. Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng thương mại Hải N số tiền 1.060.473.187đ (một tỷ không trăm sáu mươi triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn một trăm tám mươi bảy đồng) còn nợ theo Hợp đồng thi công số 01/2016/HĐ-XD ngày 22-01-2016; Biên bản thương thảo hợp đồng số 01/2016/TTHĐ ngày 22-01-2016; Bảng Quyết toán công trình nhà xưởng Đông Xuyên phần khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng lập năm 2017. Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/7/2019, Công ty T làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; Công ty T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp Công ty T xác nhận: Trong quá trình thi công, Công ty Hải N đã thi công nhà xưởng và phát sinh các hạng mục công trình ngoài hợp đồng gồm: thi công đốc mới, hàng rào, đường nội bộ, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát thải và bể tự hoại.

Theo kết quả kiểm tra dự toán của Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng K (gọi tắt là Công ty K) lập tháng 11 năm 2018 thì tổng giá trị xây dựng là: 6.015.731.376 đồng (trong đó: Giá trị nhà xưởng là: 4.908.684.959 đồng và giá trị các hạng mục công trình phát sinh là: 1.197.046.422 đồng).

Công ty T không yêu cầu kiểm tra dự toán lại công trình để phản đối kết quả kiểm tra dự toán của Công ty K. Số tiền Công ty Hải N yêu cầu thấp hơn rất nhiều so với kết quả kiểm tra của Công ty K; do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy kháng cáo của Công ty T không có căn cứ để chấp nhận.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bác kháng cáo của Công ty T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét Đơn kháng cáo của Công ty T đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty T thì thấy:

[2.1] Ngày 22-01-2016 các bên ký kết Hợp đồng thi công số 01/2016/HĐ-XD và Biên bản thương thảo hợp đồng số 01/2016/TTHĐ về việc thi công xưởng bánh, giá trị hợp đồng là 4.500.000.000 đồng và có thể tăng, giảm giá trị nếu trong quá trình thi công có khối lượng phát sinh so với thiết kế được duyệt hoặc khối lượng thi công thực tế không thực hiện. Xét thấy Hợp đồng thi công số 01 và biên bản thương thảo số 01 ngày 22-01-2016 có nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý.

[2.2] Xét quá trình thực hiện hợp đồng của Công ty Hải N:

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp Công ty T xác nhận: Trong quá trình thi công, Công ty Hải N đã thi công nhà xưởng và phát sinh các hạng mục công trình ngoài hợp đồng gồm: thi công đốc mới, hàng rào, đường nội bộ, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát thải và bể tự hoại. Các hạng mục công trình này hoàn toàn phù hợp với các công trình được liệt kê tại Biên bản lập ngày 03/10/2018 và ngày 29/10/2018 có chữ ký của đại diện Công ty Hải N, Công ty T, đại diện Công ty K và tại Báo cáo kết quả kiểm tra dự toán của Công ty K.

Do các bên không thống nhất được giá trị của các hạng mục trên, Tòa án đã tiến hành trưng cầu Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng K để giám định giá trị khối lượng, căn cứ vào Báo cáo kết quả kiểm tra Dự toán nhà xưởng + Dự toán phát sinh do Công ty K lập tháng 11-2018 đã kết luận: Giá trị dự toán sau kiểm tra là 6.015.731.376 đồng, giá trị đề nghị kiểm tra là 5.354,019.787 đồng, giá trị kiểm tra dự toán tăng là 751.711.589 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện cho Công ty K khẳng định: Báo cáo kết quả kiểm tra Dự toán nhà xưởng + Dự toán phát sinh do Công ty K lập tháng 11-2018 đã cung cấp cho Tòa án là khách quan, chính xác, phù hợp với chức năng kiểm tra, giám định của đơn vị.

Tại cấp sơ thẩm Công ty T không đồng ý với Báo cáo kết quả kiểm tra dự toán của Công ty K, nhưng không nộp tiền chi phí giám định nên được xem là từ bỏ yêu cầu giám định lại và tại cấp phúc thẩm, Công ty T cũng không yêu cầu kiểm tra dự toán lại, nên phải chịu hậu quả về nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện cho Công ty T cho rằng do chưa thống nhất về giá trị các hạng mục phát sinh nên chưa có cơ sở để thanh toán hợp đồng và dẫn chứng rất nhiều lý do như: Công ty Hải N không có sự minh bạch trong việc thi công và lập quyết toán công trình, không tuân thủ nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà thầu thi công theo Điều 113 Luật xây dựng và Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12-5-2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình. Tuy nhiên, các hạng mục công trình mà Công ty Hải N thực hiện đã được Công ty T đưa vào sử dụng và Công ty T không cung cấp được chứng cứ để xác định toàn bộ giá trị công trình nên không có cơ sở để xem xét đánh giá chứng cứ nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho Công ty T.

Mặt khác, kèm theo đơn kháng cáo, Công ty T cung cấp các hợp đồng kinh tế và hóa đơn kèm theo để chứng minh Công ty TNHH T phải mời các đơn vị khác khắc phục sự cố công trình do Công ty Hải N thực hiện không đảm bảo chất lượng tại xưởng bánh thì thấy: Các hợp đồng, hóa đơn được ký trước và cùng thời điểm Công ty Hải N đang thi công công trình và trước thời điểm Công ty T ban hành Công văn số 12/TPV-2016 ngày 12-9-2016 yêu cầu Công ty Hải N xử lý các công việc xây dựng chưa đảm bảo chất lượng nên không có cơ sở để chứng minh Công ty T đã phải mời các đơn vị thi công khác khắc phục sự cố công trình do Công ty Hải N thực hiện không đảm bảo chất lượng tại xưởng bánh. Theo đại diện của Công ty T thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm thì trong khoảng thời gian Công ty Hải N thi công thì Công ty T cũng tiến hành thi công công trình khác trong khuôn viên, nên không thể căn cứ vào các hợp đồng, hóa đơn này để làm căn cứ xác định đây là các chi phí mà Công ty T đã bỏ ra để sửa chữa các công trình bị hư hỏng của Công ty Hải N thực hiện.

Mặt khác, tổng số tiền thể hiện trên hợp đồng và hóa đơn giá trị gia tăng này thấp hơn phần tăng thêm (751.711.589 đồng) so với yêu cầu kiểm tra dự toán. Do đó, trường hợp Công ty T cho rằng trong các hóa đơn này có thực hiện thi công xưởng bánh, công trình hạng mục phát sinh thì giá trị này cũng nhỏ hơn phần giá trị tăng thêm với dự toán được kiểm tra.

Ngoài ra không có văn bản thể hiện Công ty T có thông báo cho Công ty Hải N biết về thời gian thi công của các đơn vị sửa chữa công trình hư hỏng để Công ty Hải N đến chứng kiến và xác nhận.

Theo nội dung Điều 6 của hợp đồng các bên có thỏa thuận: "Trường hợp chất lượng công trình không đảm bảo, phát hiện hư hỏng yêu cầu bên Công ty Hải N phải khắc phục và chịu mọi phí tổn"; nên việc Công ty T phải thuê đơn vị thi công khác khắc phục và phải chịu phí tổn trong khoảng thời gian Công ty Hải N đang thi công công trình là hoàn toàn không có cơ sở. Bởi lẽ, ngày 12/9/2016, Công ty T đã liệt kê những hạng mục cần sửa chữa, khắc phục gửi đến Công ty Hải N và đến ngày 20/10/2016, Công ty Hải N đã có văn bản phúc đáp thực hiện xong các hạng mục cần sửa chữa. Kể từ đó, Công ty T không ban hành thêm bất cứ văn bản nào để phản hồi việc Công ty Hải N chưa khắc phục sửa chữa theo yêu cầu từ phía Công ty T. Do đó, không có cơ sở để xác định Công ty Hải N đã không sửa chữa công trình hư hỏng.

Nay, Công ty Hải N xác nhận tổng giá trị công trình đã thực hiện cho Công ty T gồm nhà xưởng và các hạng mục phát sinh có tổng giá trị là 5.354.019.787 đồng. Xét thấy: giá trị này thấp hơn giá trị kiểm tra dự toán của Công ty K, nên Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền 5.354.019.787 đồng để xác định giá trị trình mà Công ty Hải N đã thực hiện cho Công ty T là có căn cứ.

[2.3] Xét nghĩa vụ thanh toán của Công ty T thì thấy:

Theo xác nhận giữa các bên thì Công ty T đã thanh toán cho Công ty Hải N số tiền 4.334.929.515 đồng. Đối chiếu với giá trị khối lượng công việc mà Công ty Hải N đã thực hiện và số tiền mà Công ty T thanh toán thì Công ty T còn phải thanh toán tiếp cho Công ty Hải N số tiền là: 1.060.473.187 đồng.

Nay, Công ty Hải N khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán 1.060.473.187 đồng còn nợ là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự tại Điều 280 Bộ luật dân sự; Điều 113 Luật xây dựng nên cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Công ty TNHH Xây dựng thương mại Hải N không yêu cầu phải trả lãi trên số tiền từ thời điểm có nghĩa vụ đến thời điểm xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho kiểm tra dự toán là 41.800.000 đồng; Công ty Hải N tự nguyện chịu 10.000.000 đồng, đã nộp xong; Công ty T phải chịu số tiền còn lại; do Công ty Hải N đã tạm ứng trước nên Công ty T phải thanh toán lại cho Công ty Hải N số tiền 31.800.000 đồng là phù hợp.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Hải N được Tòa án chấp nhận nên Công ty T phải chịu 43.814.200 đồng là phù hợp.

[4.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty T phải chịu 2.000.000 đồng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn T. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 19/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, cụ thể như sau:

Áp dụng: Điều 112 và Điều 113 Luật Xây dựng; Điều 306 Luật thương mại; Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 148 và Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng thương mại Hải N đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng thương mại Hải N số tiền 1.060.473.187đ (Một tỷ không trăm sáu mươi triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn một trăm tám mươi bảy đồng).

2. Về chi phí tố tụng:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng thương mại Hải N chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng), đã nộp xong;

Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải thanh toán lại cho Công ty Hải N số tiền 31.800.000đ (Ba mươi mốt triệu tám trăm ngàn đồng).

3. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu là 43.814.200đ (Bốn mươi ba triệu tám trăm mười bốn ngàn hai trăm đồng);

Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng thương mại Hải N số tiền 21.907.000đ (Hai mươi mốt triệu chín trăm lẻ bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008922 ngày 29-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH T phải chịu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000013 ngày 05-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/9/2019).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp Vũng Tàu;
- TAND Tp Vũng Tàu;
- THA DS Tp Vũng Tàu;
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Xuân Long